

NGHỊ QUYẾT

**VỀ ĐẨY MẠNH cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh
giai đoạn 2016 – 2020**

ĐẾN	HÀNH ỦY QUẢNG TRỊ
	Số: 01
	Ngày: 15/4/2016
	Chuyên: Thực hiện
Lưu hồ sơ:	Thực hiện

Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, từ tình hình thực tiễn của tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2016 - 2020 với những nội dung sau:

I. TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP TỈNH TRONG THỜI GIAN QUA

Trong những năm qua, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, cải thiện môi trường đầu tư và kinh doanh. UBND tỉnh, các sở, ngành đã tổ chức thực hiện nhiều chương trình, kế hoạch cải cách hành chính theo chỉ đạo của Chính phủ, nhất là Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 – 2020, Nghị quyết của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

Với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị trong tỉnh, công tác cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh đã đạt những kết quả tích cực. Cải cách thể chế được tăng cường, chất lượng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh được nâng lên, hiệu lực và hiệu quả trong điều hành, quản lý của chính quyền được nâng cao.

Cải cách thủ tục hành chính có bước tiến bộ, cơ chế một cửa, một cửa liên thông được triển khai đồng bộ từ cấp tỉnh đến cấp xã, số lượng hồ sơ giải quyết qua bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tăng hàng năm, thời gian giải quyết từng bước được rút ngắn.

Bộ máy các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện từng bước được sắp xếp lại, tổ chức bộ máy bên trong các cơ quan chuyên môn đang tiếp tục được nghiên cứu, sắp xếp. Công tác tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức, viên chức có bước đổi mới.

Việc phân cấp nhằm tăng thẩm quyền, trách nhiệm, chủ động cho cấp dưới được thực hiện ở nhiều lĩnh vực. Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức từng bước được chuẩn hóa và nâng cao chất lượng. Công tác đào tạo, đào tạo lại cán bộ, công chức, viên chức được chú trọng. Chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, hỗ trợ đào tạo sau đại học được triển khai thực hiện. Công tác cải cách tài chính công, thực hiện cơ chế tự chủ về biên chế và tài chính đem lại kết quả bước đầu.

Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan Đảng, Nhà nước được chú trọng. Hệ thống ISO hành chính phiên bản 9001:2008 được áp dụng rộng rãi tại các cơ quan hành chính Nhà nước. Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) đứng top đầu cả nước, công tác duy trì và nâng cao Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) được chỉ đạo tích cực.

Công tác kiểm tra, giám sát thực hiện cải cách hành chính, đánh giá mức độ hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước được chú trọng thực hiện, dự án dân chấm điểm M-Score đem lại tác dụng thiết thực.

Tuy nhiên, công tác cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh vẫn còn một số hạn chế như sau:

- Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến cơ chế chính sách tạo lập môi trường kinh doanh chưa đầy đủ và chưa tạo được hành lang pháp lý thuận lợi cho phát triển kinh tế- xã hội, thu hút đầu tư.

- Việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông có nơi còn mang tính hình thức, số lượng thủ tục thực hiện cơ chế một cửa còn ít; tình trạng không đưa thủ tục hành chính vào thực hiện cơ chế một cửa còn phổ biến, giải quyết thủ tục hành chính trễ hạn còn khá nhiều, nhất là ở lĩnh vực đất đai, cấp phép đầu tư.

- Tổ chức bộ máy của một số cơ quan hành chính còn chồng chéo; các đơn vị sự nghiệp công lập chậm được sắp xếp, nhiều đơn vị hoạt động kém hiệu quả. Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có mặt chưa đáp ứng yêu cầu. Một số cán bộ, công chức còn có biểu hiện sách nhiễu, gây phiền hà cho doanh nghiệp. Đạo đức công vụ chưa chuẩn mực.

- Cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng tài chính tại một số cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp chưa đạt kết quả như mong muốn; việc thực hiện chế độ tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức khoa học công nghệ còn ít. Chủ trương xã hội hoá nhất là trong các lĩnh vực giáo dục và đào tạo, y tế, văn hóa, thể thao triển khai chưa có hiệu quả.

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội nhìn chung chưa đạt yêu cầu. Việc đăng tải, cập nhật thông tin, thủ tục hành chính lên trang thông tin điện tử có lúc thiếu kịp thời, một số nội dung chưa đầy đủ. Việc ứng dụng phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc, các phần mềm chuyên ngành còn hạn chế.

- Nguồn lực đầu tư thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính, hiện đại hóa trụ sở làm việc, nhất là đối với trụ sở cấp xã chưa đáp ứng yêu cầu.

- Điều kiện hỗ trợ doanh nghiệp, nhà đầu tư sau cấp phép còn khó khăn. Các dịch vụ hỗ trợ phát triển doanh nghiệp còn thiếu... ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh, thu hút đầu tư.

- Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp

tinh (PCI) của tỉnh tuy có tiến bộ nhưng đang ở mức thấp¹.

** Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém*

- Một số cấp uỷ đảng, chính quyền các cấp chưa nhận thức đầy đủ và thực sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác cải cách hành chính, nâng cao Chỉ số Cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; chỉ đạo tổ chức thực hiện thiếu quyết liệt, thiếu sự gắn kết; phối hợp đồng bộ giữa các cơ quan Nhà nước trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Nhận thức của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức về cải cách hành chính, chất lượng tham mưu; kỹ năng nghiệp vụ, kỹ năng giao tiếp còn hạn chế. Chưa ngăn chặn, xử lý có hiệu quả tình trạng cán bộ, công chức, viên chức thiếu trách nhiệm, quan liêu, sách nhiễu, vòi vĩnh.

- Công tác tuyên truyền, kiểm tra, giám sát, hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện cải cách hành chính và nâng cao các chỉ số cải cách hành chính, PCI, PAPI của các cấp, các ngành chưa được thực hiện thường xuyên và hiệu quả. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các ngành, các cấp, các cơ quan, đơn vị còn nhiều mặt hạn chế.

II. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO, MỤC TIÊU ĐẨY MẠNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP TỈNH

1. Quan điểm chỉ đạo

- Cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh phải được tiến hành trên cơ sở các nghị quyết và quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực, hiệu quả điều hành của cơ quan hành chính Nhà nước trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính.

- Các chủ trương, giải pháp cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh phải hướng tới mục tiêu tạo thuận lợi, giảm chi phí cho cá nhân và tổ chức, tăng sức hấp dẫn của môi trường đầu tư, môi trường kinh doanh. Cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh phải được tiến hành đồng bộ, vững chắc, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với điều kiện cụ thể của tỉnh.

- Chú trọng hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ phối hợp để nâng cao vai trò, trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị và cả bộ máy nhà nước từ tỉnh đến xã, phường, thị trấn. Nâng cao trách nhiệm giải trình của cơ quan Nhà nước và vai trò kiểm tra, giám sát của cơ quan có thẩm quyền.

- Cải cách hành chính là nhiệm vụ khó khăn, đòi hỏi các cấp, các ngành phải quyết tâm cao, kiên trì, thường xuyên, luôn xác định cải cách hành chính là nhiệm vụ trọng tâm trong chỉ đạo, điều hành, là giải pháp quan trọng hàng đầu trong lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội.

¹ Chỉ số cải cách hành chính năm 2014 xếp hạng 37/63; PCI năm 2015 xếp 43/63 tỉnh, thành phố.

2. Mục tiêu chung

Xây dựng nền hành chính tỉnh Quảng Trị hiện đại, chuyên nghiệp, năng động, hiệu lực, hiệu quả đáp ứng yêu cầu xây dựng, phát triển của tỉnh, phục vụ tốt tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp.

Tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh của tỉnh thực sự thông thoáng, minh bạch, hấp dẫn và thuận lợi cho các thành phần kinh tế tham gia đầu tư kinh doanh. Nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh, phấn đấu đưa chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) thuộc top 20 của cả nước, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đưa Quảng Trị đạt trình độ phát triển trung bình của cả nước.

3. Mục tiêu cụ thể

3.1. Về cải cách hành chính

- Hoàn thiện các cơ chế, chính sách nhằm tạo hành lang pháp lý và môi trường thuận lợi cho các cơ quan hành chính, tổ chức sự nghiệp vận hành thông suốt, hiệu quả; tạo thuận lợi cho các tổ chức và cá nhân, doanh nghiệp trong đầu tư, sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

- Đơn giản hóa thủ tục hành chính trên tất cả các lĩnh vực quản lý nhà nước, nhất là thủ tục hành chính liên quan đến người dân, doanh nghiệp; 100% thủ tục hành chính phải được cập nhật và công khai đầy đủ, thường xuyên, dễ tiếp cận, dễ khai thác sử dụng. Rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ hành chính, đẩy mạnh việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính. 100% cơ quan hành chính các cấp thực hiện mô hình một cửa điện tử vào đầu năm 2017. Nghiên cứu sớm hình thành Trung tâm dịch vụ hành chính công để thực hiện dịch vụ “một cửa” chung của các cơ quan hành chính cấp tỉnh.

- Phấn đấu đến năm 2020 toàn tỉnh thực hiện tinh giản tối thiểu 10% so với tổng số biên chế được giao năm 2015. Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có cơ cấu ngạch, bậc hợp lý theo đúng vị trí việc làm; 100% đạt chuẩn theo chức danh quy định, trong đó 20% trở lên sử dụng thông thạo một ngoại ngữ.

- Đến năm 2020 có từ 50% trở lên Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã đạt chuẩn về diện tích, trang thiết bị, sử dụng, kết nối các phần mềm tác nghiệp thống nhất trong xử lý công việc; 100% thủ tục hành chính liên quan đến nhiều cơ quan có cơ chế liên thông và phối hợp chặt chẽ; mức độ hài lòng của cá nhân và tổ chức về thủ tục hành chính đạt trên 80%.

- Đến năm 2020: 80% các văn bản, tài liệu chính thức trao đổi giữa các cơ quan nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử; cơ bản hoàn thành việc xây dựng, triển khai mô hình Chính quyền điện tử tỉnh Quảng Trị; 50% thủ tục hành chính của các cơ quan hành chính từ cấp xã đến tỉnh được cung cấp và xử lý trực tuyến ở mức độ 3. 100% các cơ quan hành chính nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã áp dụng

hệ thống quản lý chất lượng hành chính theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001: 2008 hoặc tương đương. 100% các thủ tục hành chính được chuẩn hóa.

3.2. Về năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX)

- Giai đoạn từ 2016-2018: Phân đầu cải thiện điểm các chỉ số thành phần về chỉ số PCI và chỉ số cải cách hành chính của tỉnh, nâng dần vị trí xếp hạng, mỗi năm tăng ít nhất 5 bậc, nằm trong nhóm địa phương có chất lượng điều hành khá.

- Từ năm 2019 - 2020: Chỉ số PCI và Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh xếp hạng nằm trong nhóm 20 tỉnh đứng đầu trong cả nước, có chất lượng điều hành đạt kết quả khá tốt.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nhiệm vụ

1.1. Về cải cách thể chế

- Rà soát, tham mưu, đề xuất cấp có thẩm quyền hủy bỏ hoặc sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật cho phù hợp quy định pháp luật mới ban hành và điều kiện thực tế của địa phương. Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác xây dựng, thẩm định và ban hành văn bản quy phạm pháp luật gắn với tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh.

- Tập trung rà soát, bổ sung, sửa đổi, hoàn thiện các cơ chế, chính sách của tỉnh trên các lĩnh vực: hỗ trợ đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp, tài nguyên, môi trường, xây dựng, tự chủ tài chính, đào tạo nghề, quản lý cán bộ, công chức, viên chức... tạo điều kiện cho các cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập vận hành thông suốt, chủ động, linh hoạt; tạo điều kiện thuận lợi cho các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp tiếp cận, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; khuyến khích, tạo điều kiện để các thành phần kinh tế tham gia cung ứng dịch vụ trong môi trường cạnh tranh bình đẳng, lành mạnh.

- Thường xuyên rà soát, kiểm tra, tự kiểm tra các văn bản quy phạm pháp luật và theo dõi thi hành pháp luật, nhất là ở các lĩnh vực: về tổ chức bộ máy; về cán bộ, công chức, viên chức; về phân cấp, ủy quyền; về quản lý đất đai, môi trường; về quy hoạch, xây dựng; về tài chính, đầu tư, xây dựng cơ bản; về xã hội hóa và quản lý cung ứng dịch vụ công...

1.2. Cải cách thủ tục hành chính

- Tiếp tục thực hiện đơn giản hóa các thủ tục hành chính (giảm về thời gian giải quyết thủ tục, giảm các loại giấy tờ không cần thiết, giảm chi phí, lệ phí) thuộc thẩm quyền quản lý, giải quyết của tỉnh.

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời việc cập nhật và công bố, niêm yết công khai các quy định thủ tục hành chính mới, hướng dẫn sơ đồ quy trình thực hiện tại Cổng thông tin điện tử của tỉnh, tại trụ sở cơ quan, tại bộ phận một cửa, Website của cơ quan.

- Bổ sung số lượng thủ tục hành chính thực hiện cơ chế một cửa; thực hiện đầy đủ các thủ tục hành chính đã được công bố theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Mở rộng thực hiện cơ chế một cửa tại các đơn vị sự nghiệp công lập và mở rộng việc thực hiện cơ chế một cửa liên thông, một cửa liên thông điện tử tại các lĩnh vực do nhiều ngành, nhiều cấp quản lý. Đảm bảo đến năm 2020, 100% thủ tục hành chính liên thông được giải quyết theo đúng quy trình. Tăng cường sự phối hợp giữa các cấp, các ngành trong việc giải quyết thủ tục hành chính.

- Ban hành quy định, xử lý nghiêm những cá nhân, tổ chức tùy tiện đặt ra các quy định thủ tục hành chính trái pháp luật; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện cải cách thủ tục hành chính.

- Thiết lập hệ thống giám sát thủ tục hành chính. Thực hiện và công bố công khai kết quả khảo sát, nhận xét mức độ hài lòng của cá nhân, tổ chức về giải quyết thủ tục hành chính của các cơ quan Nhà nước; phát hiện và xử lý nghiêm minh, kịp thời cán bộ, công chức, viên chức có hành vi nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, tổ chức và doanh nghiệp.

1.3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

- Kiện toàn tổ chức HĐND và UBND các cấp theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Tiếp tục rà soát, ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các cơ quan, đơn vị phù hợp với điều kiện, đặc điểm của tỉnh; thực hiện sáp nhập một số phòng, ban chuyên môn có chức năng, nhiệm vụ tương đồng nhau hoặc có khối lượng công việc ít; không thành lập thêm chi cục trong trường hợp phòng chuyên môn đảm bảo thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ. Xây dựng, sửa đổi, hoàn thiện quy chế hoạt động của các cơ quan, đơn vị.

- Hoàn thiện việc xác định vị trí việc làm, mô tả công việc của từng vị trí làm cơ sở xác định biên chế, cơ cấu công chức, viên chức khoa học, hợp lý gắn với tinh giản biên chế theo Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

- Xây dựng, hoàn thiện quy định đánh giá chỉ số cải cách hành chính của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trên toàn tỉnh; đẩy mạnh cổ phần hóa và chuyển sang hoạt động theo cơ chế tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Sắp xếp lại hệ thống trường lớp các cấp học, các bệnh viện, trung tâm y tế cấp huyện phù hợp với quy mô dân số, người học và người bệnh, khắc phục sự lãng phí về cơ sở vật chất và nhân lực do trường, lớp, bệnh viện, giường bệnh quy mô nhỏ. Sắp xếp lại các tổ chức Hội, thực hiện khoán hoặc hỗ trợ kinh phí để thực hiện nhiệm vụ đối với các tổ chức Hội.

- Thành lập tổ chức có chức năng tư vấn cho lãnh đạo tỉnh về xúc tiến đầu tư; hỗ trợ, cung cấp các dịch vụ cho nhà đầu tư.

- Kiện toàn sắp xếp lại các Ban chỉ đạo theo hướng chỉ thành lập Ban chỉ đạo ở những lĩnh vực chưa có cơ quan chức năng quản lý hoặc đòi hỏi sự phối hợp của nhiều ngành, nhiều địa phương.

1.4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

- Đẩy mạnh thực hiện cải cách chế độ công vụ, công chức trong các cơ quan nhà nước từ tỉnh đến cấp xã, trọng tâm là ban hành các quy định, quy chế liên quan đến tuyển dụng, tuyển chọn, đánh giá phân loại và quản lý, sử dụng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

- Thực hiện chế độ thi nâng ngạch theo nguyên tắc cạnh tranh; thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm vào các vị trí lãnh đạo, quản lý một số chức danh (sau khi Trung ương ban hành đề án). Tiếp tục thực hiện có hiệu quả chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Đẩy mạnh việc luân chuyển, chuyên đổi vị trí công tác. Kiên quyết thực hiện việc chuyển đổi đúng thời gian quy định cán bộ, công chức, viên chức ở những lĩnh vực nhạy cảm; thay thế và xử lý kịp thời cán bộ, công chức, viên chức ở những bộ phận có dư luận những nhiều, tiêu cực, hiệu quả công tác thấp.

- Làm tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo chức danh. Khuyến khích cán bộ, công chức học tập có trình độ sau đại học những chuyên ngành tỉnh còn thiếu; bồi dưỡng kiến thức nghiệp vụ chuyên môn, kiến thức hội nhập kinh tế quốc tế, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, văn hóa ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức trong thi hành công vụ.

1.5. Cải cách tài chính công

- Đổi mới cơ chế hoạt động và quản lý tài chính công tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tiến tới xóa bỏ chế độ cấp kinh phí theo số lượng biên chế, thay thế bằng cơ chế cấp ngân sách dựa trên kết quả và chất lượng hoạt động. Nâng cao tính minh bạch, hiệu quả trong việc lập dự toán ngân sách, phân bổ, sử dụng ngân sách. Thực hiện việc khoán kinh phí chi tiêu theo đầu ra công việc trong các cơ quan hành chính.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính trong quản lý chi tiêu công, quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý vốn nhà nước trong các doanh nghiệp.

- Rà soát, quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập; sửa đổi, ban hành mới hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật làm căn cứ tính giá dịch vụ và đặt hàng; Xây dựng và ban hành giá dịch vụ cơ bản trong cung cấp dịch vụ công. Thực hiện chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp có thu sang hoạt động theo cơ chế doanh nghiệp.

- Thực hiện xã hội hóa trong đầu tư, quản lý, khai thác các công trình, dự án ..., nhất là trong lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ y tế, giáo dục, đào tạo, văn hóa, thể thao.

- Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát, sử dụng tài chính công.

1.6. Hiện đại hóa nền hành chính

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp dịch vụ công, tập trung xây dựng các phần mềm chuyên ngành; đầu tư các trung tâm tích hợp dữ liệu và nâng cấp hạ tầng công nghệ để đảm bảo cho sự vận hành thông suốt và kết nối giữa các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội; giữa cấp tỉnh đến cấp xã; mở rộng thực hiện giao dịch trực tuyến ở mức độ 3 và mức độ 4.

- Triển khai áp dụng có hiệu quả phần mềm một cửa điện tử tại 100% cơ quan hành chính cấp tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã.

- Ban hành Đề án hỗ trợ, nâng cao chất lượng hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Xây dựng, cải tạo trụ sở làm việc của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh đảm bảo tiêu chuẩn quy định.

- Duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng hành chính tại các cơ quan hành chính. Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Việt Nam ISO 9001:2008 tại UBND cấp xã.

1.7. Duy trì, cải thiện chỉ số PCI, PAPI và PAR INDEX

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban chỉ đạo và Tổ giúp việc về cải thiện, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh. Tăng cường vai trò của các Hiệp hội doanh nghiệp trong việc cung cấp thông tin, quảng bá môi trường đầu tư, tiếp nhận thông tin cần trợ giúp từ phía doanh nghiệp; hướng dẫn doanh nghiệp tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ.

- Định kỳ 6 tháng và hàng năm, các cấp, các ngành trong tỉnh tổ chức sơ, tổng kết việc tổ chức thực hiện công tác cải cách hành chính, nâng cao các chỉ số PCI, PAPI, PAR INDEX, xác định những việc đã làm được, những mặt hạn chế, yếu kém, trách nhiệm của người đứng đầu, tập thể, cá nhân liên quan.

- Huy động, lồng ghép các nguồn vốn xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng các Khu Kinh tế, Khu, Cụm công nghiệp, thực hiện tốt công tác giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất sạch cho nhà đầu tư.

- Rà soát, giảm thời gian thực hiện các thủ tục hành chính có liên quan hoạt động của doanh nghiệp, nhà đầu tư. Giao cho từng đơn vị chủ trì theo dõi và có biện pháp nâng cao Chỉ số thành phần PCI, PAPI và PAR INDEX.

- Nâng cao chất lượng dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp, tăng cường đối thoại với doanh nghiệp. Ban hành bộ tiêu chí để doanh nghiệp nhận xét sự phục vụ của các cơ quan hành chính Nhà nước.

2. Một số giải pháp trọng tâm

- Tăng cường vai trò lãnh đạo của các cấp ủy đảng, huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị trong tỉnh, thực hiện có kết quả công tác cải cách hành chính, cải thiện vị trí trên bảng xếp hạng chỉ số PCI, PAPI, PAR INDEX.

- Xây dựng bộ máy các cơ quan hành chính tinh gọn, trong sạch, vững mạnh. Đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của UBND các cấp cho cơ quan chuyên môn và UBND cấp dưới. Nâng cao chất lượng đội ngũ công chức chuyên trách cải cách hành chính trong việc giúp UBND tỉnh, giám đốc sở, ngành và Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã tổ chức thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính. Đề cao trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị. Gắn kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính với đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao hàng năm của mỗi cơ quan, đơn vị và người đứng đầu cơ quan, đơn vị. Xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá cán bộ, công chức, viên chức dựa trên kết quả thực hiện nhiệm vụ.

- Thường xuyên kiểm tra, đánh giá việc thực hiện cải cách hành chính, kịp thời phát hiện, phổ biến, nhân rộng các điển hình tiên tiến, biểu dương những tập thể, cá nhân làm tốt và phê phán, xử lý nghiêm cá nhân, tổ chức có hành vi tiêu cực, tác phong làm việc quan liêu, hách dịch, nhũng nhiễu. Ban hành quy định xử lý công chức, viên chức vi phạm. Phát huy vai trò giám sát của HĐND, Mặt trận tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp và nhân dân đối với việc thực hiện công tác cải cách hành chính tại địa phương, đơn vị. Thực hiện cải cách hành chính gắn với thực hiện quy chế dân chủ ở mọi cơ quan, tổ chức.

- Thực hiện hiệu quả việc rà soát, kiểm soát, công khai minh bạch tất cả các thủ tục hành chính; tổ chức thực hiện bảo đảm kết quả thực chất của cơ chế một cửa, một cửa liên thông, xác định rõ trách nhiệm giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp.

- Quy định rõ thời gian tối đa cơ quan có thẩm quyền phải xử lý, trả lời đối với từng loại kiến nghị, đề xuất, xin chủ trương, xin ý kiến của tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân gửi đến. Thường xuyên công khai Chỉ số hài lòng của người dân, doanh nghiệp về sự phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước.

- Tiếp tục duy trì và phát huy tác dụng việc chấm điểm xếp hạng cải cách hành chính của các sở, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã hàng năm; có hình thức xử lý đối với cơ quan, đơn vị có chỉ số cải cách hành chính thấp trong hai năm liên.

- Đảm bảo kinh phí thực hiện các đề án, dự án, chương trình, kế hoạch thực hiện cải cách hành chính của tỉnh. Ban hành chính sách hỗ trợ nâng cao chất lượng hoạt động văn phòng “một cửa”. Tiếp tục duy trì và mở rộng thực hiện sáng kiến dân chấm điểm M-Score.

- Công bố, công khai các quy hoạch, danh mục các dự án thu hút đầu tư, nhất là các dự án thu hút đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) để các nhà đầu tư,

doanh nghiệp biết, chọn lựa phương án đầu tư và hoạch định chiến lược sản xuất kinh doanh phù hợp.

- Thực hiện các giải pháp đồng bộ hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và sản phẩm.

- Đẩy nhanh tiến độ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Ban hành, sửa đổi các chính sách khuyến khích, thu hút đầu tư.

- Phối hợp với Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) để tranh thủ kinh nghiệm về cải thiện môi trường đầu tư và kinh doanh. Gắn việc cải thiện, nâng cao chỉ số PCI với việc nâng cao chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI), Chỉ số Cải cách hành chính (PAR INDEX).

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1- Đảng đoàn HĐND tỉnh, Ban cán sự đảng UBND tỉnh, các đảng đoàn, ban cán sự đảng, các huyện, thị, thành ủy và Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy quán triệt Nghị quyết này trong đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức; xây dựng chương trình hành động và triển khai thực hiện Nghị quyết trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình.

2- Các Ban Đảng Tỉnh ủy và Văn phòng Tỉnh ủy theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp với các cơ quan liên quan làm tốt công tác kiểm tra, đôn đốc, sơ kết, tổng kết và định kỳ báo cáo việc thực hiện Nghị quyết với Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Nghị quyết này được phổ biến đến chi bộ.

Nơi nhận

- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Ban Cán sự Đảng Chính phủ,
- Các Ban Đảng Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng,
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI),
- Các Vụ Trung ương tại Đà Nẵng,
- Đảng ủy Quân khu 4,
- HĐND, UBND tỉnh,
- Các Ban Đảng, Văn phòng Tỉnh ủy,
- Ban cán sự Đảng, Đảng Đoàn cấp tỉnh,
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh,
- Các huyện, thị ủy, thành ủy, ĐUTT,
- Các đ/c Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ



Nguyễn Văn Hùng